

suiteDXT

Hướng dẫn sử dụng

NeoSoft, LLC

NEOSOFT

NS-03-043-0004-VI Bản sửa đổi 3
Copyright 2024 NeoSoft, LLC
Bảo lưu mọi quyền

Lịch sử sửa đổi

Bản sửa đổi	Ngày	Mô tả thay đổi	Thông tin cập nhật liên quan đến an toàn (Có/Không)
1	Ngày 15 tháng 7 năm 2022	<p>Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.1.0. Đã bổ sung tiếng Bồ Đào Nha Brazil.</p> <p>Hướng dẫn sử dụng (HDSĐ) này thay thế cho ngôn ngữ/bản sửa đổi/số hiệu bộ phận trước đó:</p> <p>suiteDXT IFU - NS-03-039-0008, EN - Rev. 7 suiteDXT IFU - NS-03-039-0009, FR - Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0010, DE - Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0011, IT - Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0012, EL - Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-040-0009, LT - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0010, ES - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0011, SV - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0012, TR - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0013, RO - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0014, NL - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0029, PT-PT - Rev. 4 suiteDXT IFU - NS-03-041-0008, ZH-CN - Rev. 2 suiteDXT IFU - NS-03-041-0010, HU - Rev. 3 suiteDXT IFU - NS-03-042-0008, JA - Rev. 1 suiteDXT IFU - NS-03-042-0009, VI - Rev. 1</p>	Không
2	Ngày 21 tháng 4 năm 2023	<p>Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.1.1. Đã bổ sung tiếng Estonia. Đã chuyển các thông tin pháp lý sang tài liệu Phụ lục pháp lý.</p>	Không
3	Ngày 20 tháng 12 năm 2024	<p>Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.1.2.</p>	Không



Nhà sản xuất

NeoSoft, LLC
N27 W23910A Paul Road
Pewaukee, WI 53072 USA

Điện thoại: 262-522-6120
trang web: www.neosoftllc.com

Bộ phận bán hàng: sales@neosoftmedical.com
Bộ phận dịch vụ: service@neosoftmedical.com

Để xem thông tin tuân thủ (Đại diện được ủy quyền, Nhà nhập khẩu, Thông tin đăng ký) sau khi mở ứng dụng, hãy nhấp vào “Trợ giúp” hoặc “Giới thiệu” trên màn hình chính. Chọn tùy chọn “Thông tin pháp lý”. Tài liệu sẽ mở bằng trình xem pdf.

Mục lục

An toàn	1
Giới thiệu	1
Mục đích sử dụng	1
Chỉ định sử dụng	1
Các định dạng hình ảnh DICOM được hỗ trợ	1
Thuật ngữ	2
Nguy hiểm do thiết bị	2
An ninh mạng	3
Bắt đầu	5
Các chức năng trên màn hình chính	5
Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu	6
Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh	7
Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất	7
Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả	8
Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh	8
Sử dụng suiteDXT	9
Khởi chạy ứng dụng	9
Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa	10
Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó	12
Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa	13
Đèn báo ô nghiên cứu	13
Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa	14
Gửi tệp NeoSoft DICOM	14
Tự động gửi	14
Nhập nghiên cứu	15
Xuất nghiên cứu	16
Thực hiện nghiên cứu	16
Tạo thư mục	17
Ẩn thông tin của nghiên cứu	18
Bảo vệ chống xóa	19
Xóa nghiên cứu	19
Xóa chuỗi ảnh	19
Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp	19
Tự động xóa	20
Giới thiệu về suiteDXT	21
Tiền xử lý nghiên cứu	22
Cấu hình tiền xử lý	22
Sử dụng tính năng tiền xử lý	23
Đèn báo ô nghiên cứu	24
Virtual Fellow®	25
Bật/tắt Virtual Fellow®	25
Cửa sổ xem trước hình ảnh	26
Xuất dữ liệu	27

Dịch vụ và hỗ trợ	29
Lỗi mạng DICOM	29
Lỗi khởi chạy nghiên cứu	30
Hành vi đối với dung lượng đĩa thấp	30
Lỗi cấp phép	31
Liên hệ	31

An toàn

Giới thiệu

Để đảm bảo sử dụng hiệu quả và an toàn, bạn cần đọc mục an toàn này và tất cả các chủ đề liên quan trước khi sử dụng phần mềm. Bạn cần đọc và hiểu nội dung của hướng dẫn này trước khi sử dụng sản phẩm. Bạn nên thường xuyên xem lại các quy trình và biện pháp an toàn.

Chỉ nhân viên đã qua đào tạo và có chuyên môn mới được sử dụng phần mềm này.

Phần mềm suiteDXT có thời hạn sử dụng hữu ích dự kiến là 7 năm kể từ ngày phát hành ban đầu.

NeoSoft không cung cấp dịch vụ bảo trì thường xuyên cho các sản phẩm của mình. Vui lòng liên hệ với bộ phận hỗ trợ qua email: service@neosoftmedical.com nếu có thắc mắc hoặc lo ngại.

Mục đích sử dụng

suiteDXT nhằm mục đích giúp người dùng có thể quản lý giao tiếp mạng DICOM, lưu trữ hình ảnh DICOM được hỗ trợ, nhập hình ảnh DICOM được hỗ trợ từ hệ thống tập cục bộ, thực hiện ẩn thông tin của nghiên cứu và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Phần mềm này được thiết kế để làm vị trí lưu tạm thời.

Chỉ định sử dụng

suiteDXT được thiết kế để giúp người dùng có thể nhập, xuất, ẩn thông tin hình ảnh DICOM và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Sản phẩm này không có chức năng hoặc mục đích chẩn đoán y tế.

Các định dạng hình ảnh DICOM được hỗ trợ

suiteDXT hỗ trợ định dạng DICOM sau đây; MR và MR tăng cường.




LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

Tham khảo hướng dẫn Tuyên bố hợp quy suiteDXT DICOM để biết thêm chi tiết về các định dạng được hỗ trợ.

Thuật ngữ

Thuật ngữ nguy hiểm, cảnh báo và thận trọng được sử dụng trong toàn bộ tài liệu hướng dẫn này để chỉ ra các mối nguy hiểm và chỉ định cấp độ hoặc mức độ nghiêm trọng. Nguy hiểm được định nghĩa là nguồn có thể gây thương tích cho con người. Tìm hiểu các câu mô tả thuật ngữ được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1: Thuật ngữ an toàn

Hình ảnh	Định nghĩa
 NGUY HIỂM:	Nguy hiểm là thuật ngữ dùng để xác định các điều kiện hoặc hành động gây ra mối nguy hiểm cụ thể, xác định mà <u>sẽ</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
 CẢNH BÁO:	Cảnh báo được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm cụ thể <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
 THẬN TRỌNG:	Thận trọng được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm tiềm ẩn <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nhẹ hoặc thiệt hại tài sản nếu bỏ qua hướng dẫn.

Nguy hiểm do thiết bị



THẬN TRỌNG: Việc sử dụng thiết bị hỏng hóc hoặc đã được điều chỉnh có thể khiến bệnh nhân gặp rủi ro do làm chậm quá trình chẩn đoán. Đảm bảo thiết bị hoạt động đúng cách.



THẬN TRỌNG: Các ứng dụng chạy trên thiết bị bao gồm một hoặc nhiều ổ đĩa cứng, có thể lưu giữ dữ liệu y tế liên quan đến bệnh nhân. Ở một số quốc gia, các thiết bị như vậy có thể phải tuân theo các quy định liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân và lưu hành tự do dữ liệu như vậy. Việc tiết lộ dữ liệu cá nhân có thể dẫn đến truy cứu pháp lý tùy thuộc vào cơ quan quản lý hiện hành. Khuyến nghị giới hạn quyền truy cập vào hồ sơ bệnh nhân. Người dùng có trách nhiệm tìm hiểu các luật quy định về thông tin bệnh nhân.

An ninh mạng

NeoSoft thực hiện các biện pháp phòng ngừa an ninh mạng sau đây trong quá trình thiết kế và triển khai phần mềm của mình:

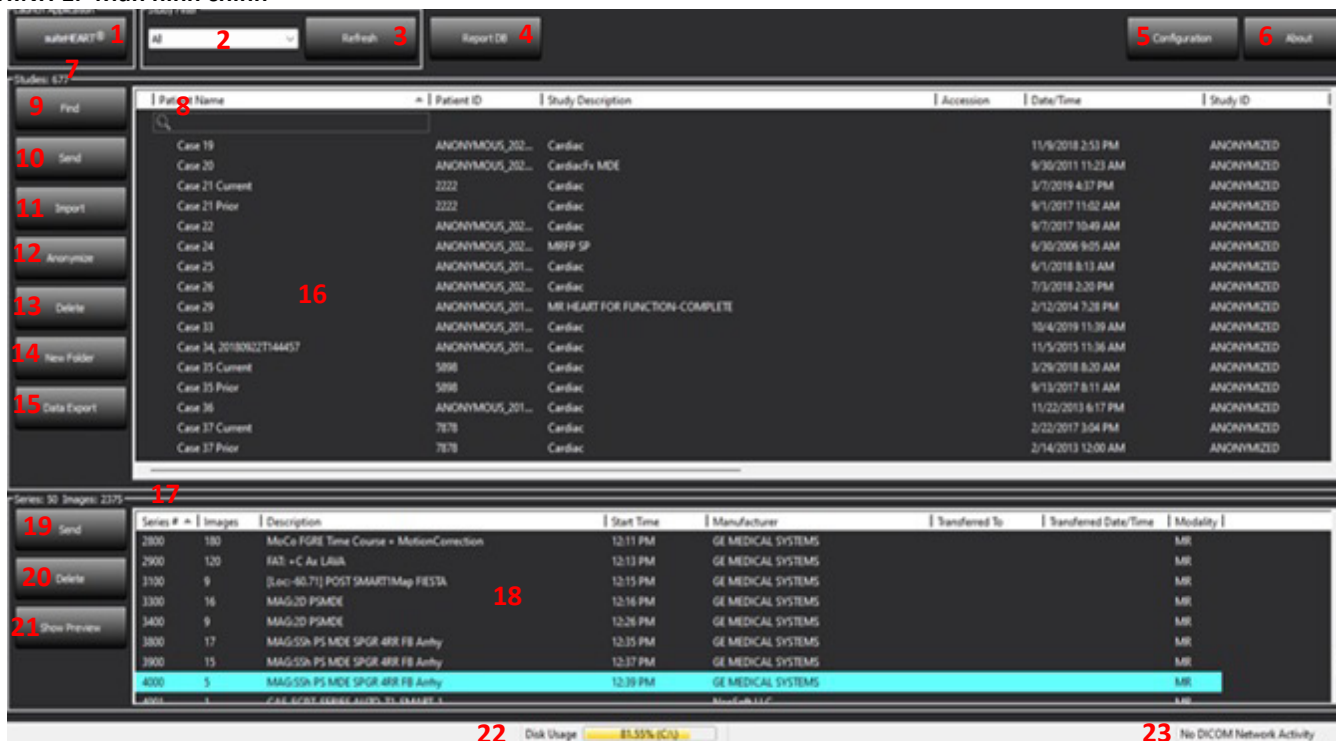
- Chỉ người dùng quản trị đã qua đào tạo mới được thực hiện công việc quản trị một số chức năng (quyền người dùng, xây dựng lại cơ sở dữ liệu, v.v.) của phần mềm NeoSoft.
- Phần mềm NeoSoft thường xuyên được phân tích để tìm các lỗ hổng đã biết được liệt kê trong cơ sở dữ liệu NIST và được vá nếu cần thiết.
- Phần mềm NeoSoft sử dụng tiêu chuẩn DICOM để lưu trữ dữ liệu bệnh nhân và truyền dữ liệu bệnh nhân qua mạng thông qua một cổng do người dùng cấu hình.
- Tính toàn vẹn của phần mềm NeoSoft trước khi cài đặt được xác minh tổng md5 để đảm bảo phần mềm được phân phối hoàn toàn nguyên vẹn.
- Phần mềm NeoSoft đã được xác minh để sử dụng trên phần cứng có bật tính năng mã hóa.
- NeoSoft sẽ giảm thiểu rủi ro an ninh mạng bằng cách thiết kế theo tiêu chuẩn ISO 14971.
- Nhân viên của NeoSoft được đào tạo về An ninh mạng và Bảo vệ thông tin sức khỏe.
- NeoSoft không nhận hoặc quản lý thông tin sức khỏe được bảo vệ trừ khi được khách hàng cấp quyền truy cập cụ thể để khắc phục sự cố.
- Phần mềm NeoSoft đã trải qua thử nghiệm thâm nhập.
- Tự động đăng xuất (ALOF) – suiteHEART và suiteDXT có thể được cấu hình để tự đóng sau khi không sử dụng một thời gian đã định trước.
- Kiểm soát kiểm tra (AUDT) – suiteHEART và suiteDXT tạo nhật ký có dấu thời gian bao gồm các sự kiện phần mềm và thông tin người dùng
- Ủy quyền (AUTH) – Trong suiteDXT, quản trị viên có thể xem và cấu hình biện pháp kiểm soát truy cập cho những người dùng khác. Tùy thuộc vào cách cấu hình quyền truy cập, người dùng chỉ có thể xem một số nghiên cứu nhất định trong suiteDXT và suiteHEART. Ví dụ: Người dùng A chỉ có thể truy cập thông tin nghiên cứu từ địa điểm A, còn Người dùng B có thể truy cập thông tin nghiên cứu từ địa điểm A và B.
- Xác thực nút (NAUT) – suiteDXT có thể được cấu hình để giao tiếp với các thiết bị DICOM khác bằng cách cấu hình tiêu đề AE, địa chỉ IP và cổng DICOM. suiteHEART không sử dụng mạng theo mặc định nhưng có thể được cấu hình để gửi dữ liệu đến các hệ thống khác thông qua việc thay đổi cấu hình, xác định các hệ thống khác theo Tiêu đề AE, Địa chỉ IP và cổng. Có thể sử dụng cả hai sản phẩm mà không cần kết nối mạng bằng cách nhập dữ liệu nghiên cứu cục bộ từ hệ thống tập tin, thay vì gửi hoặc nhận dữ liệu nghiên cứu qua mạng.
- Xác thực người dùng (PAUT) – suiteHEART và suiteDXT có thể được cấu hình để cho phép xác thực người dùng, kiểm soát mật khẩu người dùng và cấu hình dữ liệu bệnh nhân có sẵn dành riêng cho người dùng đã đăng nhập. Thông tin người dùng đã được ghi nhật ký.
- Khả năng kết nối (CONN) – suiteDXT có thể kết nối với các đối tác DICOM đã cấu hình khác để truyền dữ liệu. suiteHEART có thể được cấu hình để gửi dữ liệu đến các hệ thống khác thông qua việc thay đổi cấu hình, xác định các hệ thống khác theo Tiêu đề AE, Địa chỉ IP và cổng.
- Khóa vật lý (PLOCK) – Không có. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.
- Tăng cường hệ thống và ứng dụng (SAHD) – Không có. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.
- Hủy thông tin nhận dạng trong dữ liệu sức khỏe (DIDT) – suiteDXT bao gồm tính năng "Ẩn danh" để hủy thông tin nhận dạng trong các nghiên cứu bệnh nhân.
- Tính toàn vẹn và tính xác thực của dữ liệu sức khỏe (IGAU) – suiteDXT bao gồm các thông báo trạng thái về việc nhập / chuyển thông tin nghiên cứu dẫn đến việc xác nhận nhập hoặc chuyển thành công và nếu có lỗi xảy ra. suiteHEART sẽ cảnh báo người dùng thông qua cửa sổ bật lên nếu dữ liệu đầu vào mong muốn bị thiếu hoặc hỏng.
- Sao lưu dữ liệu và khôi phục sau thảm họa (DTBK) – Khuyến nghị gửi dữ liệu do suiteHEART tạo ra tới PACS để lưu trữ / sao lưu lâu dài. suiteDXT bao gồm một công cụ xây dựng lại cơ sở dữ liệu nếu phần mềm cục bộ bị hỏng.

- Bảo mật việc lưu trữ dữ liệu sức khỏe (STCF) – suiteHEART và suiteDXT được thiết kế cho nhân viên có trình độ sử dụng và có thể được bảo mật bằng tên người dùng và mật khẩu tùy theo quyết định của người dùng.
- Bảo mật khi truyền (TXCF) – Mọi quá trình truyền dữ liệu đều ở định dạng DICOM.
- Tính toàn vẹn của quá trình truyền (TXIG) – Mọi quá trình truyền dữ liệu đều ở định dạng DICOM.
- Nâng cấp sản phẩm an ninh mạng (CSUP) – mọi bản cài đặt hoặc bản nâng cấp sẽ ở dạng bản phát hành phần mềm mới được phép và được áp dụng theo quyết định của khách hàng.
- Danh mục vật liệu của phần mềm (SBoM) – Màn hình "Giới thiệu" của suiteHEART liệt kê phần mềm của bên thứ ba. Thông tin về phần mềm bên thứ ba trong suiteDXT có trong thư mục cài đặt suiteDXT "3pInfo".
- Lộ trình cho các thành phần bên thứ ba trong vòng đời thiết bị (RDMP) – NeoSoft sẽ định kỳ đánh giá phần mềm bên thứ ba và có thể cập nhật suiteHEART và/hoặc suiteDXT nếu cần thiết.
- Hướng dẫn bảo mật (SGUD) – NeoSoft khuyến nghị sử dụng phần mềm diệt vi-rút.
- Cấu hình tính năng bảo mật mạng (CNFS) – Khả năng của sản phẩm trong việc cấu hình các tính năng bảo mật mạng dựa trên nhu cầu của người dùng. Cả suiteHEART và suiteDXT đều có thể được sử dụng mà không cần kết nối mạng. Tuy nhiên, nếu được cấu hình để chuyển mạng thì chỉ cần thông tin Tiêu đề AE, địa chỉ IP và Cổng. Không cần/khuyến nghị bảo mật thêm.
- Truy cập khẩn cấp (EMRG) – Không có. Không sử dụng suiteHEART và suiteDXT trong các tình huống khẩn cấp.
- Dịch vụ từ xa (RMOT) – có thể thực hiện dịch vụ từ xa thông qua phương thức truy cập từ xa được chỉ định của khách hàng (chẳng hạn như máy tính để bàn từ xa). suiteHEART và suiteDXT không bao gồm quyền truy cập từ xa.
- Phát hiện/bảo vệ phần mềm độc hại (MLDP) – Không có. suiteHEART và suiteDXT không bao gồm tính năng phát hiện hoặc bảo vệ phần mềm độc hại. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.

Bắt đầu

Các chức năng trên màn hình chính

HÌNH 1. Màn hình chính

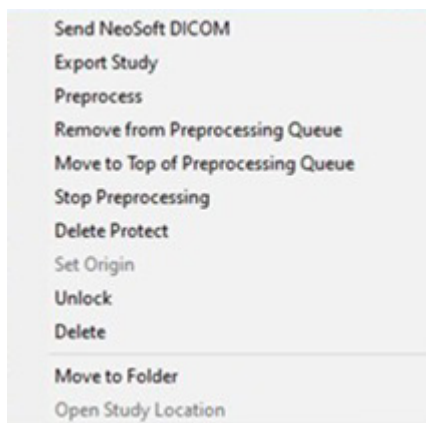


1. **suiteHEART** - ra mắt phần mềm suiteHEART®.
2. **Bộ lọc nghiên cứu** - xác định khoảng ngày mà các nghiên cứu được hiển thị trong danh sách nghiên cứu.
3. **Làm mới** - cập nhật dạng xem dựa trên tiêu chí do người dùng chọn.
4. **Báo cáo DB** - tìm kiếm nội dung của các báo cáo đã được phê duyệt trước đó (xem Hướng dẫn sử dụng suiteHEART).
5. **Cấu hình** - mở Cửa sổ cấu hình.
6. **Giới thiệu** - hiển thị phiên bản phần mềm suiteDXT/liên kết đến Hướng dẫn sử dụng, Tuyên bố tuân thủ DICOM, Thông tin quy định và Tệp nhật ký lưu trữ để hỗ trợ.
7. **Tiêu đề nghiên cứu** - hiển thị số lượng nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
8. **Trường tìm kiếm** - tự động tìm kiếm theo bất kỳ cột nào, với kết quả có hoặc không được phân loại.
9. **Tìm** - mở cửa sổ Truy vấn/Truy xuất.
10. **Gửi** - đẩy dữ liệu nghiên cứu cục bộ đến máy chủ từ xa. (Xem Hướng dẫn cài đặt để cấu hình các máy chủ từ xa.)
11. **Nhập** - cho phép nhập thông tin nghiên cứu từ hệ thống tệp, CD, DVD hoặc phương tiện USB.
12. **Ẩn danh** - tạo nghiên cứu mới với dữ liệu cụ thể của bệnh nhân đã được xóa bỏ.
13. **Xóa** - xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
14. **Thư mục mới** - tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu.
15. **Xuất dữ liệu** - xuất hàng loạt kết quả dưới dạng bảng tính Excel.
16. **Ô nghiên cứu** - hiển thị thông tin nghiên cứu cho các nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
17. **Tiêu đề chuỗi ảnh** - hiển thị số lượng chuỗi và số lượng ảnh trong nghiên cứu được chọn.

18. **Ô chuỗi ảnh** - hiển thị thông tin chuỗi ảnh cho nghiên cứu được chọn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
19. **Gửi** - đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa. (Xem Hướng dẫn cài đặt để cấu hình các máy chủ từ xa.)
20. **Xóa** - xóa chuỗi ảnh khỏi nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM.
21. **Hiển thị/Ấn xem trước** - xem trước chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS cine và báo cáo CAS.
22. **Chỉ báo mức sử dụng ổ đĩa** - hiển thị tỷ lệ phần trăm của tổng dung lượng ổ đĩa cục bộ đã sử dụng để lưu dữ liệu hình ảnh.
23. **Trạng thái mạng** - hiển thị nếu suiteDXT hiện đang truyền dữ liệu DICOM qua mạng.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu

HÌNH 2. Nhấp chuột phải vào menu

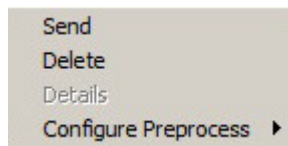


- **Gửi NeoSoft DICOM** - chỉ đẩy các tập tin được tạo bởi phần mềm từ máy chủ cục bộ sang máy chủ từ xa.
- **Xuất nghiên cứu** - lưu dữ liệu nghiên cứu, cho nhóm nghiên cứu đã chọn, trong tệp nén .zip.
- **Tiền xử lý** - thực hiện lựa chọn và nhấp vào **Bắt đầu tiền xử lý**



- **Xóa khỏi hàng đợi tiền xử lý**
- **Di chuyển lên đầu hàng đợi tiền xử lý**
- **Dừng quá trình tiền xử lý**
- **Bảo vệ chống xóa** - cài đặt tính năng Bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu (Có/Không)
- **Đặt nguồn gốc** - được quản trị viên mạng sử dụng để đặt tiêu đề AE nhằm kiểm soát quyền truy cập.
- **Mở khóa** - đặt lại khóa và mở nghiên cứu đã bị khóa sau khi máy tắt đột ngột.
- **Xóa** - xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
- **Chuyển đến thư mục** - chuyển nghiên cứu đến thư mục được tạo.
- **Mở vị trí dữ liệu nghiên cứu** - hiển thị vị trí của dữ liệu DICOM trên hệ thống tệp cục bộ.

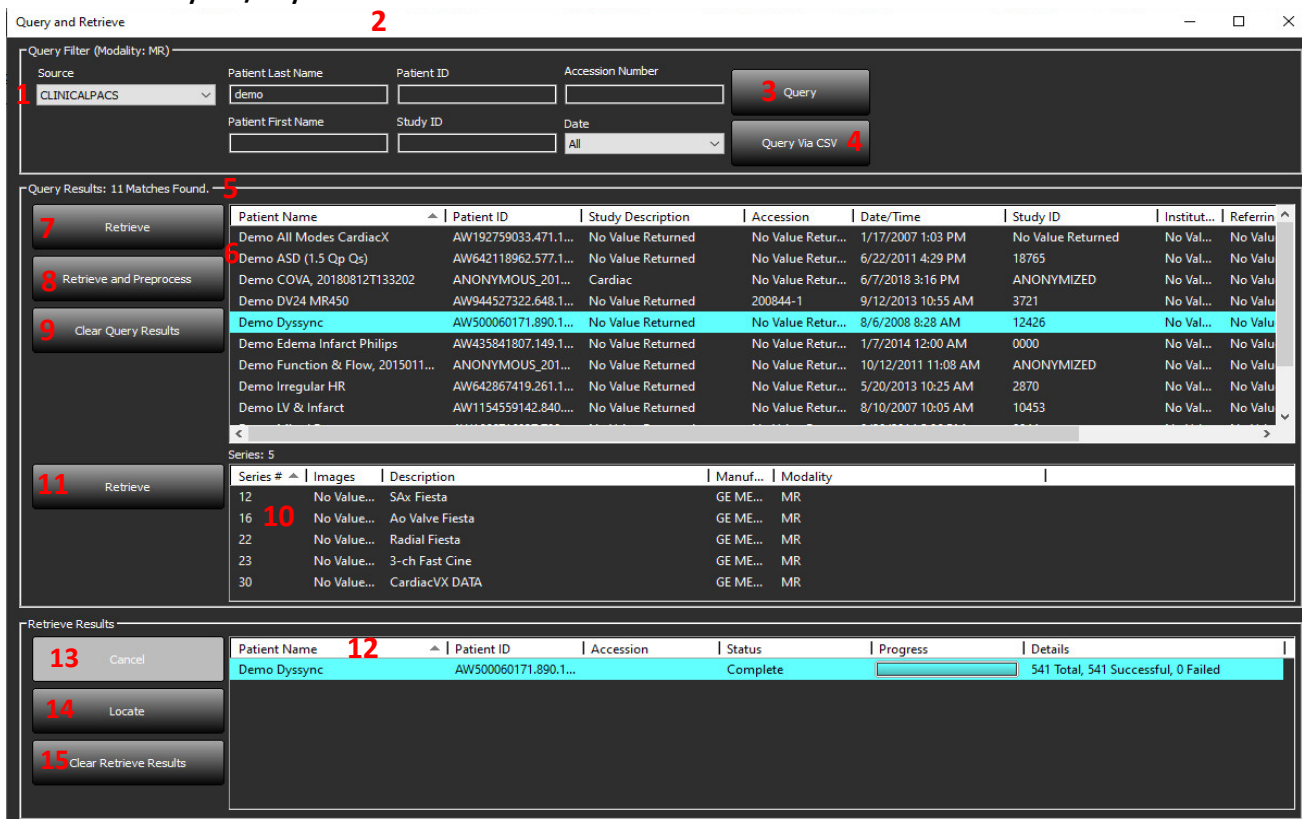
Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh



- **Gửi** - đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa.
- **Xóa** - xóa chuỗi ảnh khỏi nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM.
- **Chi tiết** - mở cửa sổ chi tiết chuỗi ảnh.
- **Cấu hình tiền xử lý** - tự động điền tên chuỗi ảnh cho loại ứng dụng.

Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất

HÌNH 3. Cửa sổ truy vấn/truy xuất



Patient Name	Patient ID	Study Description	Accession	Date/Time	Study ID	Institut...	Referrin
Demo All Modes CardiacX	AW192759033.471.1...	No Value Returned	No Value Retur...	1/17/2007 1:03 PM	No Value Returned	No Val...	No Valu
Demo ASD (1.5 Qp Qs)	AW642118962.577.1...	No Value Returned	No Value Retur...	6/22/2011 4:29 PM	18765	No Val...	No Valu
Demo COVA, 20180812T133202	ANONYMOUS_201...	Cardiac	No Value Retur...	6/7/2018 3:16 PM	ANONYMIZED	No Val...	No Valu
Demo DV24 MR450	AW944527322.648.1...	No Value Returned	200844-1	9/12/2013 10:55 AM	3721	No Val...	No Valu
Demo Dyssync	AW500060171.890.1...	No Value Returned	No Value Retur...	8/6/2008 8:28 AM	12426	No Val...	No Valu
Demo Edema Infarct Philips	AW435841807.149.1...	No Value Returned	No Value Retur...	1/7/2014 12:00 AM	0000	No Val...	No Valu
Demo Function & Flow, 2015011...	ANONYMOUS_201...	No Value Returned	No Value Retur...	10/12/2011 11:08 AM	ANONYMIZED	No Val...	No Valu
Demo Irregular HR	AW642867419.261.1...	No Value Returned	No Value Retur...	5/20/2013 10:25 AM	2870	No Val...	No Valu
Demo LV & Infarct	AW1154559142.840....	No Value Returned	No Value Retur...	8/10/2007 10:05 AM	10453	No Val...	No Valu

Series #	Images	Description	Manuf...	Modality
12	No Value...	SAx Fiesta	GE ME...	MR
16	No Value...	Ao Valve Fiesta	GE ME...	MR
22	No Value...	Radial Fiesta	GE ME...	MR
23	No Value...	3-ch Fast Cine	GE ME...	MR
30	No Value...	CardiacVX DATA	GE ME...	MR

Patient Name	Patient ID	Accession	Status	Progress	Details
Demo Dyssync	AW500060171.890.1...		Complete	<div style="width: 100%;"></div>	541 Total, 541 Successful, 0 Failed

1. **Menu kéo xuống nguồn truy vấn** - hiển thị thiết bị từ xa được cấu hình có sẵn để truy vấn / truy xuất.
2. **Bộ lọc truy vấn** - có thể được sử dụng để tìm kiếm các nghiên cứu cụ thể theo Tên và họ của bệnh nhân, ID bệnh nhân, ID nghiên cứu, Mã số và ngày truy nhập. Có thể sử dụng * (dấu hoa thị) làm ký tự trong bất kỳ trường nào (ngoại trừ trường ngày).
3. **Truy vấn** - thực hiện truy vấn thiết bị từ xa. Nếu tất cả các trường được để trống, truy vấn sẽ trả lại toàn bộ kết quả.
4. **Truy vấn qua CSV** - thực hiện truy vấn thiết bị từ xa bằng tệp CSV được xác định trước.
5. **Kết quả truy vấn** - hiển thị số lượng nghiên cứu phù hợp với tiêu chí truy vấn.
6. **Ô kết quả truy vấn** - hiển thị thông tin nghiên cứu của thiết bị từ xa được truy vấn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
7. **Truy xuất** - thực hiện truy xuất nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.
8. **Truy xuất và tiền xử lý** - thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.

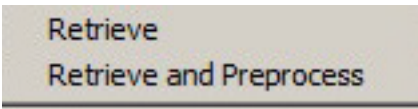
9. **Xóa kết quả truy vấn** - xóa kết quả truy vấn trong ô nghiên cứu.
10. **Ô chuỗi ảnh** - hiển thị thông tin chuỗi ảnh của nghiên cứu được đánh dấu trong ô nghiên cứu.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
11. **Truy xuất** - thực hiện truy xuất chuỗi ảnh đã chọn từ thiết bị từ xa.
12. **Ô trạng thái truyền** - hiển thị tác vụ truy xuất hiện tại và đã hoàn thành.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột.
13. **Hủy** - dừng hoạt động truyền.
14. **Xác định vị trí** - đánh dấu nghiên cứu đã truy xuất trong ô nghiên cứu UI chính.
15. **Xóa kết quả truy xuất** - xóa hoạt động truyền trong ô truyền đối với các nghiên cứu đã hoàn thành quá trình truyền.



THẬN TRỌNG: Hình ảnh đã truyền sẽ được lưu giữ cục bộ và hiển thị trong Màn hình chính suiteDXT, mặc dù không phải tất cả các hình ảnh cho nghiên cứu đều có thể đã được truyền.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả

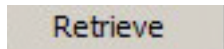
HÌNH 4. Nhấp chuột phải vào menu



- **Truy xuất** - thực hiện truy xuất nghiên cứu từ máy chủ từ xa.
- **Truy xuất và tiền xử lý** - thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh

HÌNH 5. Nhấp chuột phải vào menu



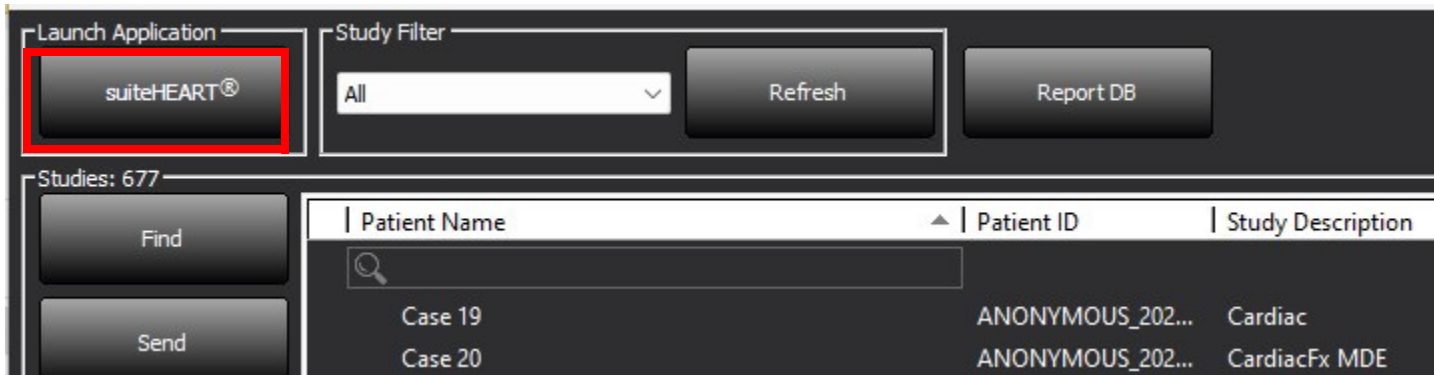
- **Truy xuất** - thực hiện truy xuất chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa.

Sử dụng suiteDXT

Khởi chạy ứng dụng

1. Truy cập Màn hình chính.
2. Chọn nghiên cứu từ danh sách nghiên cứu và thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nhấp vào suiteHEART.
 - Nhấp đúp vào nghiên cứu.

HÌNH 1. Khởi chạy ứng dụng



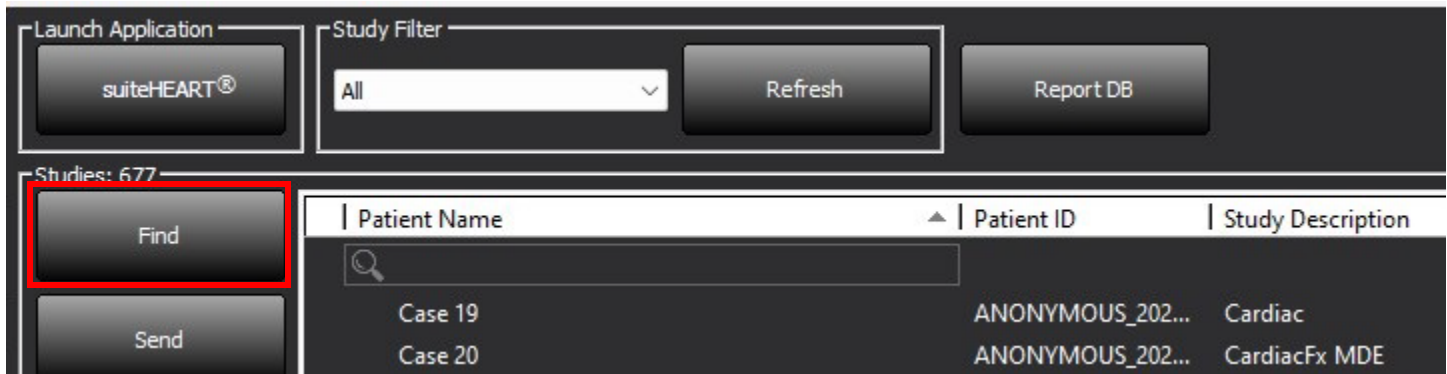
LƯU Ý: Nếu bạn chọn một nhóm nghiên cứu, hãy nhấp vào suiteHEART.

Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt.

1. Chọn Tìm trên Màn hình chính.

HÌNH 2. Tìm trên Màn hình chính



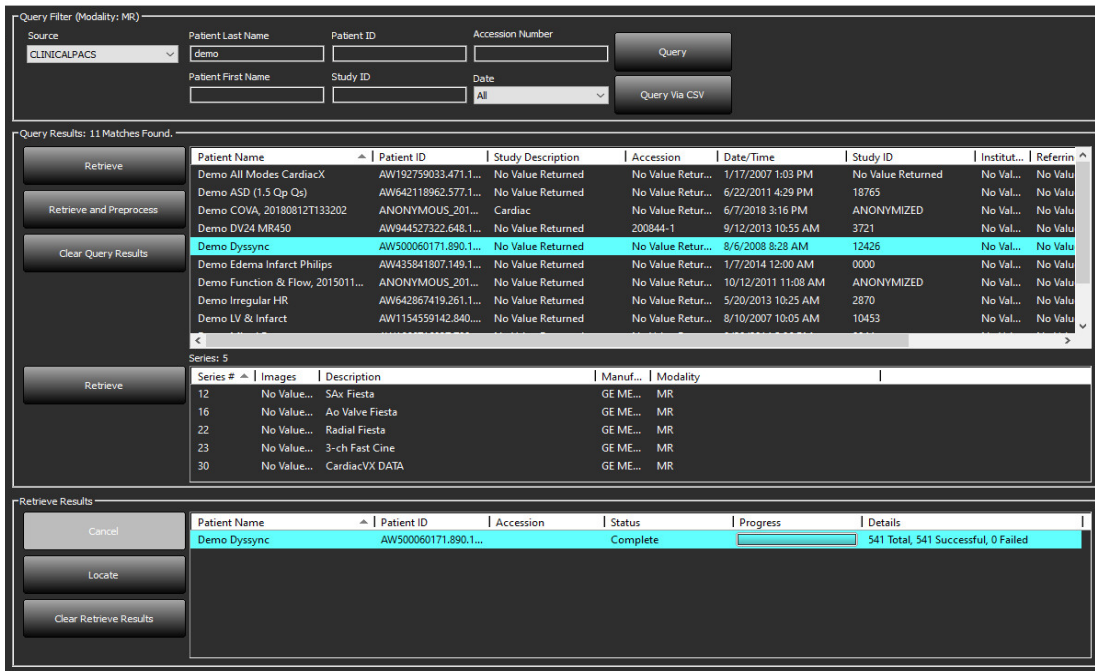
2. Trong cửa sổ Truy vấn/Truy xuất, nhập mọi tiêu chí về thông tin nghiên cứu trong vùng Bộ lọc truy vấn.

Các tùy chọn của Bộ lọc bao gồm:

- Họ của bệnh nhân
- Tên bệnh nhân
- ID bệnh nhân
- ID nghiên cứu
- Mã số truy nhập
- Khoảng ngày

LƯU Ý: Lựa chọn lưu bộ lọc chỉ được cung cấp nếu NeoSoft có yêu cầu.

HÌNH 3. Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất



3. Từ menu kéo xuống Nguồn truy vấn, chọn máy chủ từ xa.
4. Chọn Truy vấn hoặc Truy vấn qua CSV.
5. Nếu thực hiện Truy vấn qua CSV, hãy chọn tệp CSV.

Các nghiên cứu phù hợp với tiêu chí mà bạn đã nhập hoặc từ tệp CSV sẽ được đưa vào danh sách nghiên cứu.

Thao tác nhấp vào nghiên cứu sẽ hiển thị danh sách thông tin chuỗi ảnh.

LƯU Ý: Để Truy vấn qua CSV, bạn phải tạo một tệp CSV. Có thể tìm thấy mẫu tạo tệp CSV tại C:\ProgramData\NeoSoft, LLC\suiteDXT\Import\Import_Template.csv

Tệp CSV phải có các trường sau:

Họ của bệnh nhân	Tên bệnh nhân	ID bệnh nhân	ID nghiên cứu	Ngày nghiên cứu YYYYmmdd	Mã số truy nhập
------------------	---------------	--------------	---------------	-----------------------------	-----------------

6. Chọn một hoặc nhóm nghiên cứu.
7. Chọn Truy xuất dưới danh sách nghiên cứu hoặc nhấp chuột phải và chọn Truy xuất từ menu bật lên.
8. Thực hiện tiền xử lý bằng cách chọn Truy xuất và Tiền xử lý.
9. Để truy xuất theo chuỗi ảnh, chọn chuỗi ảnh và nhấp vào Truy xuất bên dưới danh sách chuỗi ảnh.

Tiến trình truy xuất được hiển thị trong mục Kết quả truy xuất phía dưới cửa sổ. Trong khi ở phía dưới của Màn hình chính, trạng thái “Không có hoạt động mạng DICOM” được thay đổi thành “Mạng DICOM hoạt động”.

LƯU Ý: Trong trường hợp nghiên cứu không chuyển sang toàn bộ, đèn báo tiến trình sẽ chuyển thành màu đỏ.

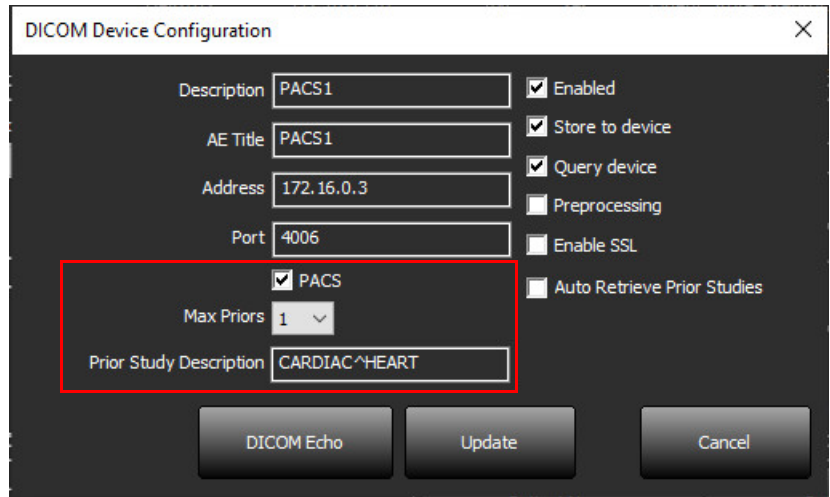
Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt. Cấu hình tính năng tự động truy xuất sẽ cho phép tự động truy xuất các nghiên cứu trước đó vào cơ sở dữ liệu DXT từ máy chủ từ xa như PACS.

Để cấu hình từ nơi truy xuất các nghiên cứu trước đó:

LƯU Ý: Chỉ có thể cấu hình một máy chủ DICOM từ xa.

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong mục Đích DICOM, đánh dấu hệ thống PACS và nhấp vào Chỉnh sửa.
3. Chọn PACS.
4. Chọn số lượng nghiên cứu trước đó cần truy xuất bằng cách sử dụng menu thả xuống Max Priors. Nhập các thuật ngữ cho trường văn bản Mô tả nghiên cứu trước đó. Đây là các thuật ngữ được sử dụng để xác định nghiên cứu cần truy xuất bằng cách sử dụng trường Mô tả nghiên cứu. Các thuật ngữ mặc định là CARDIAC^HEART.
5. Nhấp vào Cập nhật.
6. Nhấp vào Áp dụng và đóng.

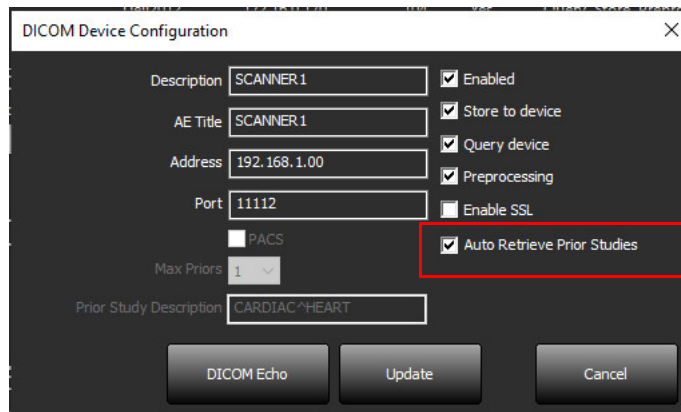


The screenshot shows the 'DICOM Device Configuration' dialog box. The 'Description' field is 'PACS1', 'AE Title' is 'PACS1', 'Address' is '172.16.0.3', and 'Port' is '4006'. The 'Enabled' checkbox is checked. The 'Store to device', 'Query device', and 'Preprocessing' checkboxes are also checked. The 'Enable SSL' checkbox is unchecked. The 'Auto Retrieve Prior Studies' checkbox is unchecked. The 'Max Priors' dropdown is set to '1' and the 'Prior Study Description' text box contains 'CARDIAC^HEART'. The 'DICOM Echo', 'Update', and 'Cancel' buttons are visible at the bottom.

Để cấu hình nghiên cứu nào tạo truy xuất nghiên cứu trước đó:

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Đích DICOM, hãy chọn máy chủ từ xa nào sẽ tự động tạo các truy xuất nghiên cứu trước đó dựa trên các nghiên cứu đến từ các đích này bằng cách đánh dấu đích và nhấp vào Chỉnh sửa.
3. Chọn Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó.
4. Nhấp vào Cập nhật.
5. Nhấp vào Áp dụng và đóng.

LƯU Ý: Nếu tiền xử lý đã được kích hoạt cho đích DICOM đó thì nghiên cứu sẽ được tiền xử lý nếu không có dữ liệu suiteHEART.



The screenshot shows the 'DICOM Device Configuration' dialog box. The 'Description' field is 'SCANNER1', 'AE Title' is 'SCANNER1', 'Address' is '192.168.1.00', and 'Port' is '11112'. The 'Enabled' checkbox is checked. The 'Store to device', 'Query device', and 'Preprocessing' checkboxes are also checked. The 'Enable SSL' checkbox is unchecked. The 'Auto Retrieve Prior Studies' checkbox is checked. The 'Max Priors' dropdown is set to '1' and the 'Prior Study Description' text box contains 'CARDIAC^HEART'. The 'DICOM Echo', 'Update', and 'Cancel' buttons are visible at the bottom.

Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, hãy xem Hướng dẫn cài đặt.

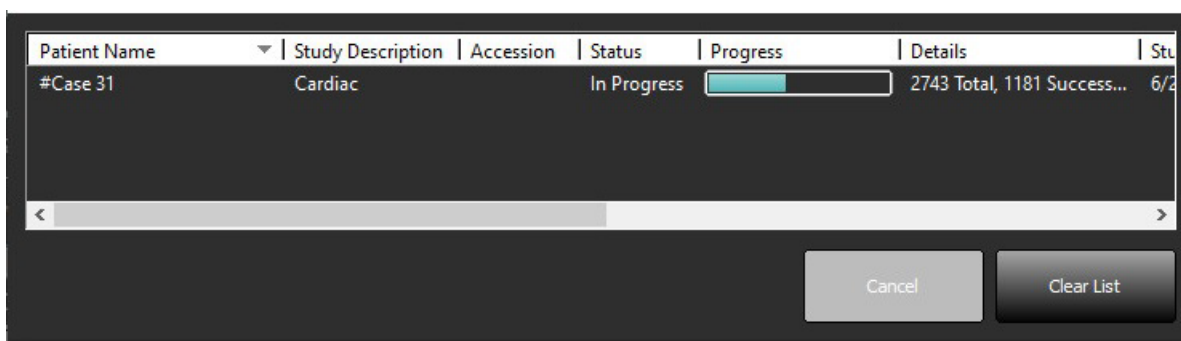
LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

1. Đánh dấu nghiên cứu cần gửi.
2. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi nghiên cứu từ menu bật lên.
3. Chọn đích cần gửi đến.
4. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.

Cửa sổ Gửi DICOM sẽ hiển thị tiến trình truyền. Có thể đóng cửa sổ này bằng cách nhấp vào dấu X ở góc trên bên phải, trong khi hoạt động truyền chạy ở chế độ nền.

Để kiểm tra tiến trình sau khi cửa sổ Gửi DICOM đóng, chọn Gửi, sau đó chọn Trạng thái.

HÌNH 4. Cửa sổ Gửi DICOM



5. Những nghiên cứu đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trên danh sách nghiên cứu chính.

HÌNH 5. Truyền đến

Find	Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Study ID	Delete Protected	Accession	Origin	Referring Physician
Send	ACI Mapping01	ANONYMOUS_20201103T110428_ID	9/29/2020 11:53 AM	CLINICALPACS	ANONYMIZED	No		test1	
	ACI Mapping02	ANONYMOUS_20201103T111817_ID	9/16/2020 8:31 AM		ANONYMIZED	No		test1	
	ACI Mapping03	ANONYMOUS_20201103T112448_ID	9/11/2020 3:22 PM		ANONYMIZED	No		test1	

Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh lam nhạt	Chưa hoàn thành quá trình truyền hình ảnh hoặc hình ảnh đã được truyền đến nhiều máy chủ từ xa.
Hình tròn màu xanh lá	Tất cả hình ảnh trong nghiên cứu đã được truyền đến một máy chủ từ xa.

Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa

1. Đánh dấu nghiên cứu.
2. Đánh dấu chuỗi ảnh được yêu cầu.
3. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi từ menu bật lên.
4. Chọn đích cần gửi đến.
5. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.

Chuỗi ảnh đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trong ô chuỗi ảnh.

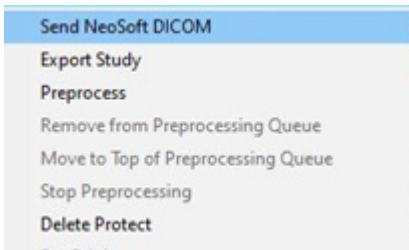
HÌNH 6. Ô chuỗi ảnh truyền

Series #	Images	Description	Modality	Manufacturer	Transferred To	Transferred Date
101	50	Survey	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM
201	30	SSFP_AX	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM
301	30	BB_SSh_BH	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM

Gửi tệp NeoSoft DICOM

Các tệp đã được tạo bằng phần mềm có thể được kết nối riêng.

1. Đánh dấu nghiên cứu.
2. Nhấp chuột phải và chọn Gửi NeoSoft DICOM.
3. Chọn đích DICOM.



Tự động gửi

Để bật tính năng Tự động gửi, hãy liên hệ với NeoSoft, LLC bằng cách gửi email đến service@neosoftmedical.com.

Nhập nghiên cứu

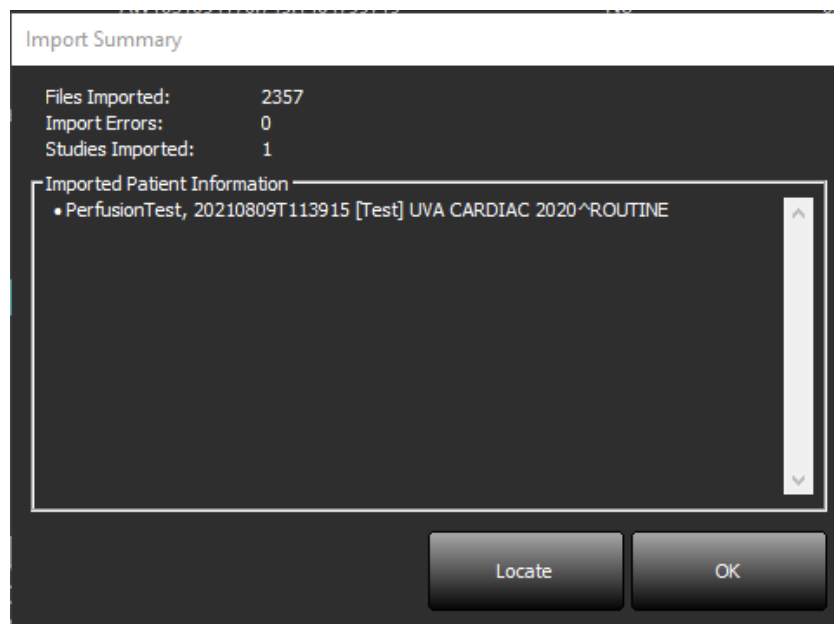
Nghiên cứu chứa dữ liệu DICOM có thể được nhập từ hệ thống tệp cục bộ, ổ đĩa được ánh xạ, CD, DVD và USB, bao gồm nhập các thư mục đã được nén. Sau khi chèn một trong các phương tiện chứa dữ liệu DICOM mong muốn, hãy làm theo các bước dưới đây.

LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

1. Trên Màn hình chính, chọn Nhập.
2. Điều hướng đến vị trí chứa dữ liệu DICOM.
3. Nhấp vào Chọn.

Cửa sổ Tiến trình nhập tệp hiển thị trạng thái nhập tệp DICOM. Tóm tắt nhập hiển thị tổng số tệp được tìm thấy, tệp được nhập, số lượng nghiên cứu và thông tin về nghiên cứu được nhập.

(Các) nghiên cứu mới được nhập được bổ sung vào danh sách nghiên cứu trên Màn hình chính của suiteDXT. Nếu một thư mục đã được chọn, nghiên cứu sẽ được nhập vào thư mục đó.



Có thể nhập dữ liệu mẫu được cung cấp vào suiteDXT.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu không nhập toàn bộ, nhấp vào Thử lại trên màn hình Tóm tắt nhập.

Xuất nghiên cứu

Các nghiên cứu đã được phân tích có thể được xuất từ danh mục nghiên cứu chính ở định dạng tệp .zip.

1. Tùy chỉnh tên tệp bằng cách nhấp vào Cấu hình trên Màn hình chính.
2. Trong mục Mẫu tên tệp xuất, hãy chọn các thuộc tính tệp mong muốn như được hiển thị trong Hình 7.
3. Nhấp vào Áp dụng và đóng.
4. Đánh dấu nghiên cứu hoặc chọn nhóm nghiên cứu bằng cách nhấn Ctrl +Shift.
5. Nhấp chuột phải và chọn Xuất.
6. Chọn vị trí xuất phù hợp.
7. Chọn Lưu.


HÌNH 7. Xuất mẫu tên tệp

Export Filename Pattern					
Patient Name_Export Timestamp		Patient Name	Patient ID	Study Description	
Accession	Study Date	Study ID	Export Timestamp	Institution	Referring Physician

Thực hiện nghiên cứu

Mỗi cột có thể được tự động tìm kiếm với kết quả có hoặc không được phân loại. Kết quả tìm kiếm không phân biệt chữ hoa/chữ thường và sẽ tự động hiển thị kết quả lên đầu danh sách.

Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Study ID	Delete Protected	Accession	Origin
Case							
SH Case 10	AW2091044406.251.1412004870	6/22/2011 4:29 PM		18765	No		tritonrc
SH Case 14, 20140929T165736	ANONYMOUS_20140929T165736_ID	8/10/2007 10:05 AM		ANONYMIZED	No		tritonrc

- Sau khi tìm được kết quả đầu tiên, thao tác nhấn vào phím ENTER trên bàn phím hoặc mũi tên trong trường tìm kiếm sẽ giúp chuyển sang kết quả tiếp theo.
- Thao tác nhấn đồng thời phím ENTER và phím SHIFT trên bàn phím sẽ giúp chọn kết quả trước đó.
- Thao tác nhấn phím ENTER, có hoặc không nhấn phím SHIFT, trên bàn phím khi kết thúc kết quả tìm kiếm sẽ chuyển bạn đến vị trí bắt đầu của kết quả tìm kiếm.
- Trường tìm kiếm sẽ bị xóa sau khi nhấn .

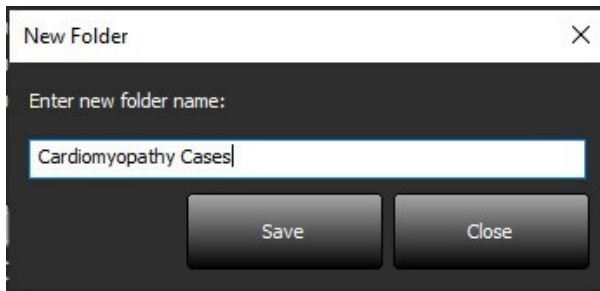
LƯU Ý: Để tìm kiếm bao gồm các thư mục trong danh sách nghiên cứu, phải mở rộng thư mục. Nhấp chuột phải vào thư mục và chọn Mở rộng tất cả.

Tạo thư mục

Có thể tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu ở cấp danh sách nghiên cứu. Chúng sẽ được nhóm ở đầu danh sách nghiên cứu.

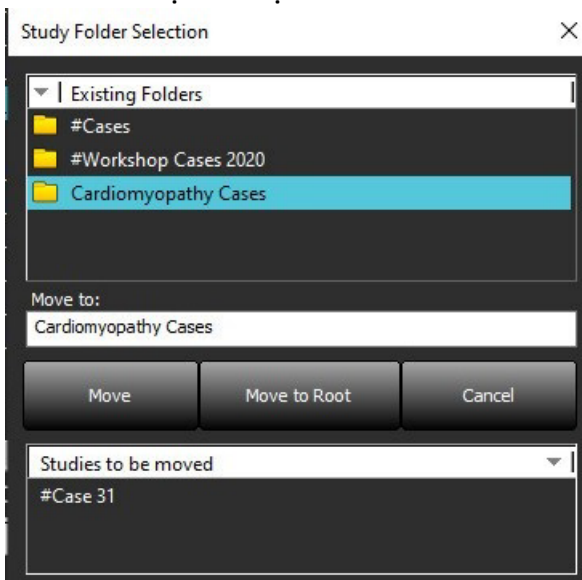
1. Nhấp vào Thư mục mới.
2. Nhập tên thư mục và nhấp vào Lưu.

Giờ đây thư mục sẽ ở trong danh sách nghiên cứu.



3. Chuyển nghiên cứu đến thư mục bằng cách nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
4. Khi hộp thoại Thư mục mở ra, hãy chọn thư mục đúng để chuyển nghiên cứu vào.

HÌNH 8. Chọn thư mục



5. Chuyển nghiên cứu trở lại danh mục chính bằng cách nhấp vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
6. Nhấp vào Chuyển đến gốc.

Ẩn thông tin của nghiên cứu



THẬN TRỌNG: Thao tác ẩn thông tin của nghiên cứu không làm xóa dữ liệu bệnh nhân khỏi hình ảnh được tạo từ phần mềm hậu xử lý khác.



THẬN TRỌNG: Chỉ nên sử dụng nghiên cứu được ẩn thông tin với các ứng dụng NeoSoft, LLC.

1. Trên Màn hình chính, chọn một nghiên cứu riêng lẻ hoặc nhóm nghiên cứu.

LƯU Ý: Nếu một nhóm nghiên cứu được chọn thì ID bệnh nhân sẽ tăng lên theo từng nghiên cứu.

2. Chọn Ẩn thông tin.

3. Hoàn tất các trường ẩn danh nếu cần, như hiển thị trong Hình 9.

4. Vị trí tệp tin CSV khóa ẩn danh sẽ tạo một bảng tính Excel với tên nghiên cứu ban đầu để tham khảo.

5. Để không đưa các chuỗi ảnh chụp thứ cấp NeoSoft vào, hãy bỏ chọn tùy chọn này.

6. Nhấp vào Ẩn thông tin.

HÌNH 9. Ẩn thông tin của nghiên cứu

Anonymize Study

Anonymized Patient Name: Append Date/Time

Anonymized Patient ID:

Anonymized Institution:

Anonymized Accession:

Anonymized Study Description: Disabled

Anonymized Key CSV File Location: C:\Users\ccomeau\Desktop\

Anonymized Study Date: 8/21/2024

Include NeoSoft Secondary Capture Series

Anonymize

Đèn báo tiến trình sẽ hiển thị. Nghiên cứu mới được ẩn thông tin sẽ xuất hiện trong danh sách nghiên cứu.

7. Nhấp vào “OK” trên cửa sổ bật lên Ẩn thông tin của nghiên cứu.

LƯU Ý: Tính năng ẩn thông tin khả dụng cho mục đích hỗ trợ NeoSoft.

Bảo vệ chống xóa

Để cài đặt bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu, nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Bảo vệ chống xóa. Cột đèn báo sẽ hiển thị “Có” cho các nghiên cứu được bảo vệ và “Không” cho các nghiên cứu không được bảo vệ như được minh họa trong Hình 10. Để tắt tính năng bảo vệ chống xóa, nhấp chuột phải và chọn Gỡ bỏ bảo vệ chống xóa.

HÌNH 10. Đèn báo của cột bảo vệ chống xóa

Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Delete Protected	Study ID
SH Case 21	AW712995506.906.1442511336	9/12/2013 10:55 AM		Yes	3721
SH Case 22	AW1908138422.466.1442956310	12/16/2013 10:28 AM		Yes	MCARD
SH Case 23, 20150819T112311	ANONYMOUS_20150819T112311_ID	1/13/2014 12:00 AM	test1	No	ANONYMIZED
SH Case 24, 20151019T104233	ANONYMOUS_20151019T104233_ID	12/16/2014 11:28 AM		No	ANONYMIZED

Xóa nghiên cứu



THẬN TRỌNG: Xóa dữ liệu khỏi hệ thống tệp, bao gồm các tệp cho nghiên cứu mở hiện tại, có thể khiến mất dữ liệu phân tích/hình ảnh.

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu cần xóa và chọn Xóa hoặc nhấp chuột phải và chọn Xóa khỏi menu bật lên. Thao tác “Nhấp giữ phím Shift” hoặc “Nhấp giữ phím Ctrl” sẽ chọn nhiều nghiên cứu để xóa khỏi danh sách.

Xóa chuỗi ảnh

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu sau đó chọn chuỗi ảnh và chọn Xóa. Sử dụng phím Shift-Nhấp chuột hoặc Ctrl-Nhấp chuột để chọn nhiều chuỗi ảnh từ danh sách.

LƯU Ý: Khuyến nghị thực hiện xóa mọi chuỗi ảnh trước khi bắt đầu bất kỳ phân tích nào.

Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp

Chuỗi ảnh chụp thứ cấp đã xác định NeoSoft, LLC là nhà sản xuất có thể bị xóa.



THẬN TRỌNG: Thao tác xóa chuỗi ảnh dữ liệu suiteHEART sẽ khiến xóa toàn bộ kết quả phân tích.

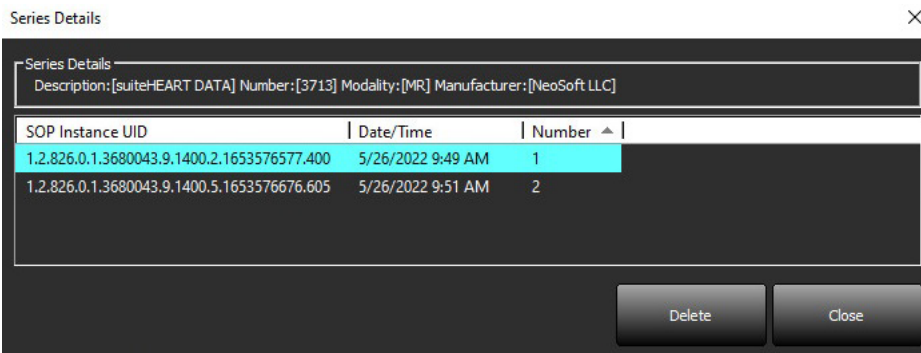
1. Chọn nghiên cứu và định vị chuỗi ảnh DỮ LIỆU suiteHEART.
2. Nhấp vào số chuỗi ảnh hoặc dấu + để mở cửa sổ Chi tiết chuỗi ảnh.

HÌNH 11. Chọn chuỗi ảnh

Series #	Images	Description	Start Time	Manufacturer	Transferred To	Transferred Date/Time	Modality
3200	9	[Loc-63.99] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3210	9	[Loc-77.54] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3220	9	[Loc-91.09] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3500	14	MAG:2D PSMDE	10:55 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3600	3	MAG:2D PSMDE	11:02 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3700	3	MAG:2D PSMDE	11:03 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
3701	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_MOLLI_1		NeoSoft LLC			MR
3702	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_1		NeoSoft LLC			MR
3703	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_2		NeoSoft LLC			MR
3713	2	suiteHEART DATA		NeoSoft LLC			MR
3716	20	SAx Fiesta		NeoSoft LLC			MR
3717	1	RS-2D PSMDE		NeoSoft LLC			MR

3. Chọn mũi tên phù hợp, nhấp vào Xóa. Để đóng, nhấp vào dấu X (ở góc trên bên phải của cửa sổ) hoặc nhấp vào **Đóng**.

HÌNH 12. Chi tiết chuỗi ảnh



Tự động xóa

Để bật tính năng Tự động xóa, hãy liên hệ với NeoSoft, LLC bằng cách gửi email đến service@neosoftmedical.com.

Giới thiệu về suiteDXT

Thao tác chọn Giới thiệu trên Màn hình chính sẽ hiển thị phiên bản phần mềm của suiteDXT.

Nhấp vào liên kết ở góc dưới bên trái để truy cập tài liệu.

LƯU Ý: Cần có trình đọc PDF để mở tệp tài liệu này.

LƯU Ý: Nhấp vào “Lưu trữ tệp nhật ký để được hỗ trợ” để tạo tệp sẽ được bộ phận Dịch vụ sử dụng để khắc phục sự cố.

HÌNH 13. Màn hình giới thiệu



Tiền xử lý nghiên cứu

Tính năng Tiền xử lý nghiên cứu chỉ khả dụng với ứng dụng Phần mềm suiteHEART®. Các ứng dụng được hỗ trợ được hiển thị bên dưới. Có thể sử dụng tính năng tiền xử lý cùng với tính năng Virtual Fellow®.

LƯU Ý: Tính năng tiền xử lý sẽ bị vô hiệu hóa nếu phần cứng không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của hệ thống.

Cấu hình tiền xử lý

1. Trên Màn hình chính, chọn **Cấu hình**.
2. Chọn loại nhà cung cấp máy quét MRI từ menu thả xuống.
3. Chọn các ứng dụng cần tiền xử lý trên tab **Tự động phát hiện**.

LƯU Ý: Có thể tắt tính năng Tự động phát hiện bằng cách xác định tên chuỗi ảnh. Tham khảo Xác định mô tả chuỗi ảnh bên dưới.

4. Xem lại từng tab ứng dụng và chọn các tùy chọn cần thiết.

LƯU Ý: Đối với máy quét GE, hãy chọn “Chuỗi thời gian” cho các ứng dụng Lập bản đồ T1 và T2.

5. Lặp lại các bước trên cho từng loại nhà cung cấp.

Các lựa chọn Bật Virtual Fellow®, Tự động cập nhật, Xuất sang XLS áp dụng cho tất cả các loại nhà cung cấp.

LƯU Ý: “Tự động cập nhật” cho phép khởi chạy nghiên cứu với quá trình xử lý diễn ra trong nền.

LƯU Ý: Xuất sang XLS được sử dụng để xuất bảng tính Excel chứa kết quả phân tích sau khi Tiền xử lý. Vị trí tệp: C:\ProgramData\NeoSoft\suiteHEART\Excel

6. Nhấp vào **Áp dụng và đóng**.

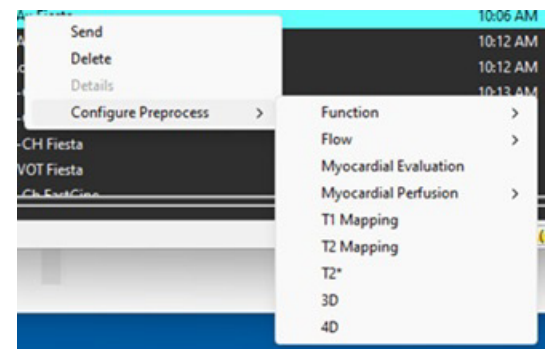


Xác định mô tả chuỗi ảnh

1. Trên Màn hình chính, chọn một nghiên cứu từ ô nghiên cứu.
2. Chọn chuỗi ảnh từ ô chuỗi ảnh.
3. Nhấp chuột phải trên tên chuỗi ảnh và chọn loại phân tích thích hợp cho chuỗi ảnh đó.

Tên chuỗi ảnh sẽ tự động được nhập trong mục Tiền xử lý.

4. Lặp lại đối với tất cả các loại chuỗi ảnh khác.



Sử dụng tính năng tiền xử lý

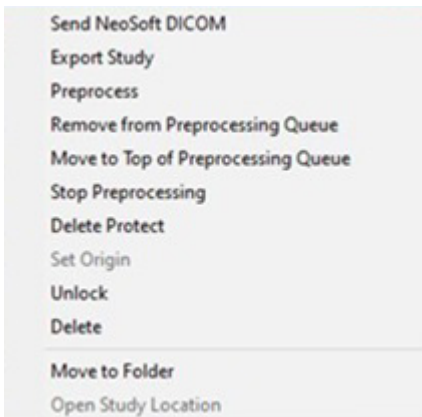
Tính năng tiền xử lý có thể được thực hiện cho các nghiên cứu MRI tìm được gửi/đẩy trực tiếp đến suiteDXT từ một nút DICOM khác.

LƯU Ý: Khi kích hoạt tính năng Tự động cập nhật, có thể khởi chạy các nghiên cứu trong khi quá trình xử lý diễn ra trong nền.

Có thể bắt đầu tính năng tiền xử lý như sau:

Ô nghiên cứu

1. Chọn bệnh nhân từ ô nghiên cứu.
2. Nhấp chuột phải và chọn Tiền xử lý từ menu.



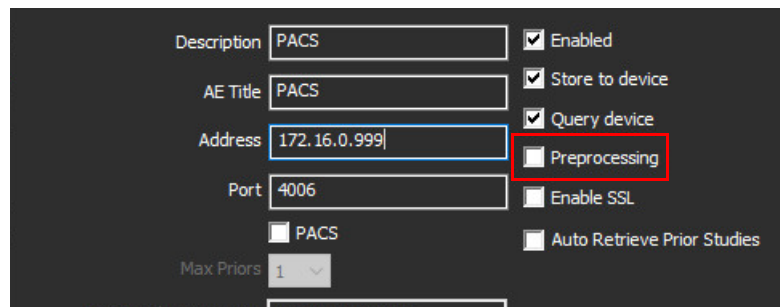
Cửa sổ truy vấn/truy xuất

Tham khảo mục Truy vấn/Truy xuất trong “Bắt đầu” và “Sử dụng suiteDXT”.

Nút DICOM gửi tới suiteDXT

Hành vi mặc định là tiền xử lý tất cả các nghiên cứu được gửi tới suiteDXT. Để cập nhật một đích DICOM cụ thể:

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong mục Đích DICOM, chọn nút DICOM và nhấp vào Chỉnh sửa.
3. Chọn Tiền xử lý.
4. Nhấp vào Cập nhật.
5. Nhấp vào Áp dụng và đóng.



Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh lam nhạt	Nghiên cứu đang được tiền xử lý. (Nhấp chuột phải để dừng tiền xử lý.)
Hình tròn màu xanh lam đậm	Nghiên cứu đang trong hàng đợi. (Nhấp chuột phải vào nghiên cứu để xóa khỏi hàng đợi Tiền xử lý hoặc di chuyển lên đầu hàng đợi Tiền xử lý.)
Hình tròn màu xanh lá	Hoàn thành tiền xử lý. Đèn báo sẽ vẫn sáng cho đến khi nghiên cứu được mở
Hình tròn màu đỏ	Tiền xử lý không thành công, vui lòng liên lạc với NeoSoft bằng cách gửi email đến địa chỉ service@neosoftmedical.com .

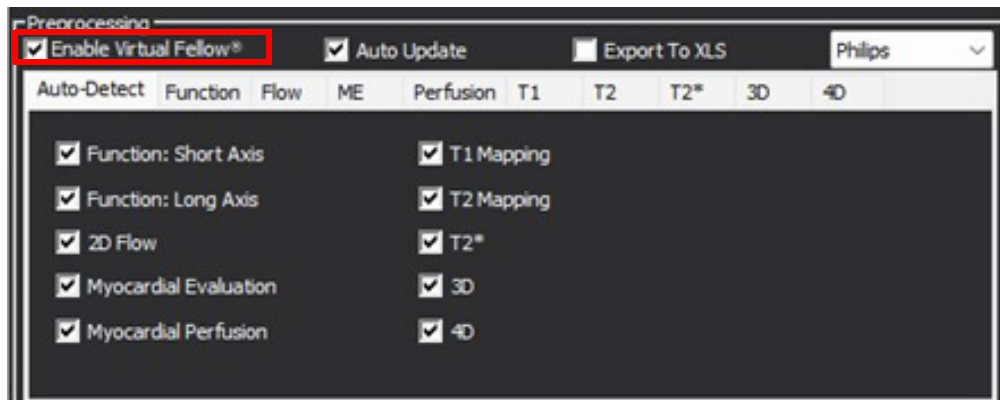
Find	Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Delete Protected	Study ID	Access
	SH Case 31, 20161027T111015	ANONYMOUS_20161027T111015_ID	4/5/2016 2:46 PM		No	ANONYMIZED	
Send	SH Case 33, 20171006T105644	ANONYMOUS_20171006T105644_ID	7/6/2017 10:15 AM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 37, 20190518T140428	ANONYMOUS_20190518T140428_ID	6/10/2016 11:52 AM		No	ANONYMIZED	
Import	SH Case 38	ANONYMOUS_20210126T145814_ID	8/11/2020 8:36 AM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 39	ANONYMOUS_20210203T144600_ID	6/21/2017 1:34 PM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 40	ANONYMOUS_20210203T145515_ID	1/20/2017 12:46 PM		No	ANONYMIZED	

Virtual Fellow®

Bật/tắt Virtual Fellow®

1. Từ Màn hình chính suiteDXT, chọn Cấu hình.
2. Trong mục Tiền xử lý, chọn “Bật Virtual Fellow®” để thực hiện tối ưu hóa hình ảnh.
3. Nhấp vào Áp dụng và đóng.

HÌNH 1. Cấu hình tiền xử lý



Cửa sổ xem trước hình ảnh



CẢNH BÁO: Hình ảnh không phù hợp để chẩn đoán và/hoặc điều trị.

Từ Màn hình chính suiteDXT, chuyển đổi cửa sổ xem trước để hiển thị hoặc ẩn.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu được chọn bao gồm chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS Cine và/hoặc Báo cáo CAS, các chuỗi này sẽ tự động hiển thị trong cửa sổ xem trước, được minh họa trong Hình 2.

LƯU Ý: Sử dụng Ctrl + T để bật/tắt chú thích.

HÌNH 2.

The screenshot displays the suiteDXT software interface. The top bar shows the user is logged in as 'NSAWTEST1\admin'. Below this, there are buttons for 'suiteHEART®', 'Study Filter' (set to 'All'), 'Refresh', and 'Report DB'. On the left, a sidebar contains buttons for 'Find', 'Send', 'Import', 'Anonymize', 'Delete', 'New Folder', and 'Data Export'. The main area is divided into two tables. The top table lists patient cases with columns for Patient Name, Patient ID, and Study Description. The bottom table lists series with columns for Series #, Images, Description, Start Time, and Manufacturer. A red box highlights the 'Send' button in the sidebar. The preview window on the right shows a grid of cardiac MRI slices with a blue overlay that reads 'Cửa sổ xem trước'. Below the preview window, another blue overlay reads 'Các nút điều khiển cine'. The bottom status bar shows 'Disk Usage: 26.93% (C:)' and 'No DICOM Network Activity'.

Patient Name	Patient ID	Study Description
SH Case 35, 20171018T135959	ANONYMOUS_20171018T135959_ID	MR CARDIAC WWO 75561
SH Case 36, 20171019T113816	ANONYMOUS_20171019T113816_ID	Cardiac
SH Case 39	ANONYMOUS_20210203T144600_ID	Cardiac
SH Case 40	ANONYMOUS_20210203T144948_ID	Valve Study
SH Case 41	ANONYMOUS_20210203T145136_ID	Cardiac
SH Case 42	ANONYMOUS_20210203T155609_ID	Cardiac
SH Case 44	ANONYMOUS_20210218T162712_ID	MRI CARDIAC FUNCTION WO CONTRAST
SH Case 45	ANONYMOUS_20210218T162953_ID	MRI CARDIAC FUNCTION WO CONTRAST
SH Case 46	ANONYMOUS_20210218T163659_ID	MR CARDIAC FUNCTION / MORPHOLOGY W
SH Case 47	ANONYMOUS_20210218T163934_ID	MRI CARDIAC FUNCTION STRESS WO CONT
SH Case 48	ANONYMOUS_20210218T164005_ID	MR HEART WITHOUT CONTRAST
SH Case 49	ANONYMOUS_20210218T171438_ID	
SH Case 50	ANONYMOUS_20210218T171624_ID	
SH Case 52, 20231004T145110	ANONYMOUS_20231004T145110_ID	ANONYMIZED
SH Dys 01, 20150918T105147	ANONYMOUS_20150918T105147_ID	CardiacFx
SH Dys 02, 20150918T165902	ANONYMOUS_20150918T165902_ID	MRFP SP
SH Dys 03, 20150923T132828	ANONYMOUS_20150923T132828_ID	Cardiac
SH Dys 04, 20150923T133058	ANONYMOUS_20150923T133058_ID	CardiacFx MDE
SH Dys 05, 20150923T133320	ANONYMOUS_20150923T133320_ID	CardiacFx MDE
suiteHEART Example Case	ANONYMOUS_20180212T162100_ID	Cardiac
suiteHEART Example Case 4D Flow	ANONYMOUS_20191124T113033_ID	Cardiac
T1 Mapping Case01, 20150812T154133	ANONYMOUS_20150812T154133_ID	Cardiac

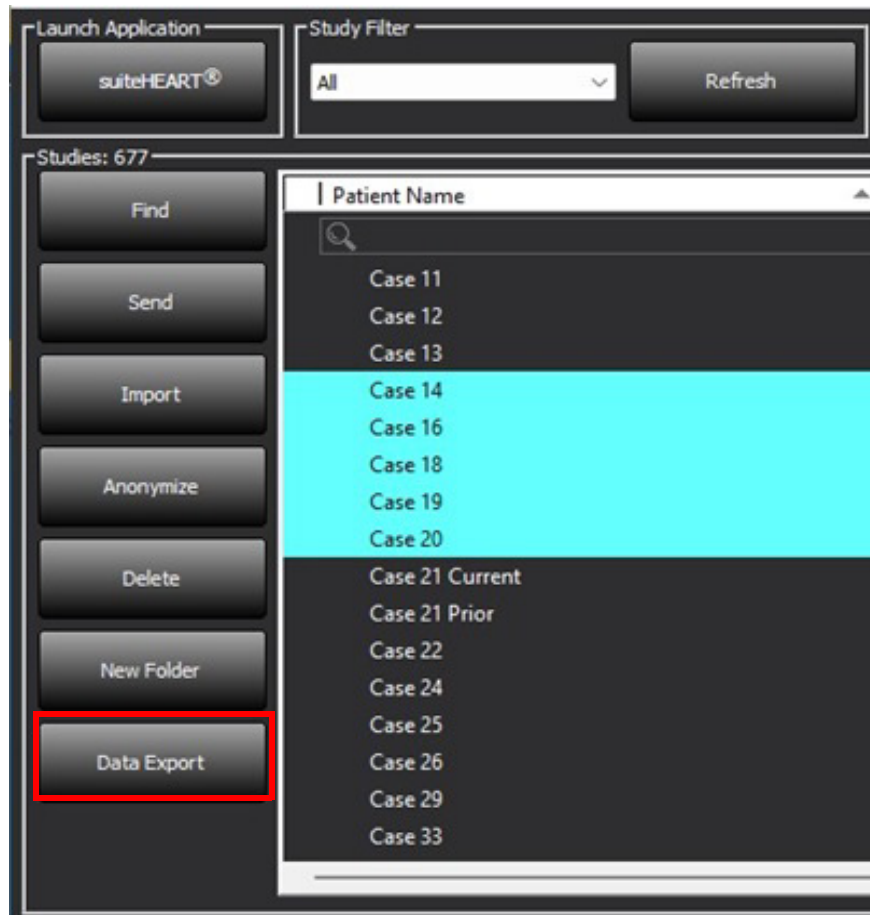
Series #	Images	Description	Start Ti...	Manufacturer
3130	9	[Loc:-57.04] PRE SMART1Map FIESTA	11:42 A...	GE MEDICAL SYSTEMS
3140	9	[Loc:-65.48] PRE SMART1Map FIESTA	11:42 A...	GE MEDICAL SYSTEMS
3400	11	MAG2D PSMDE	11:47 A...	GE MEDICAL SYSTEMS
3401	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_1		NeoSoft LLC
3402	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_2		NeoSoft LLC
3412	2	suiteHEART DATA		NeoSoft LLC
3415	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_FUNCTION_LAX		NeoSoft LLC
3416	20	SAx Fiesta		NeoSoft LLC
3417	1	NO-DP-DSX-MDE		NeoSoft LLC

Xuất dữ liệu

QUAN TRỌNG: Trước khi xuất, người dùng có trách nhiệm đặt chính xác (và gán chính xác) và hoàn chỉnh tất cả các vùng quan tâm (ROI), bao gồm cả các vùng được tạo hoặc điều chỉnh bằng thuật toán phân đoạn tự động. Các giá trị định lượng mà phần mềm tạo ra phụ thuộc vào việc đặt chính xác (và gán đúng) và hoàn chỉnh các vùng quan tâm này.

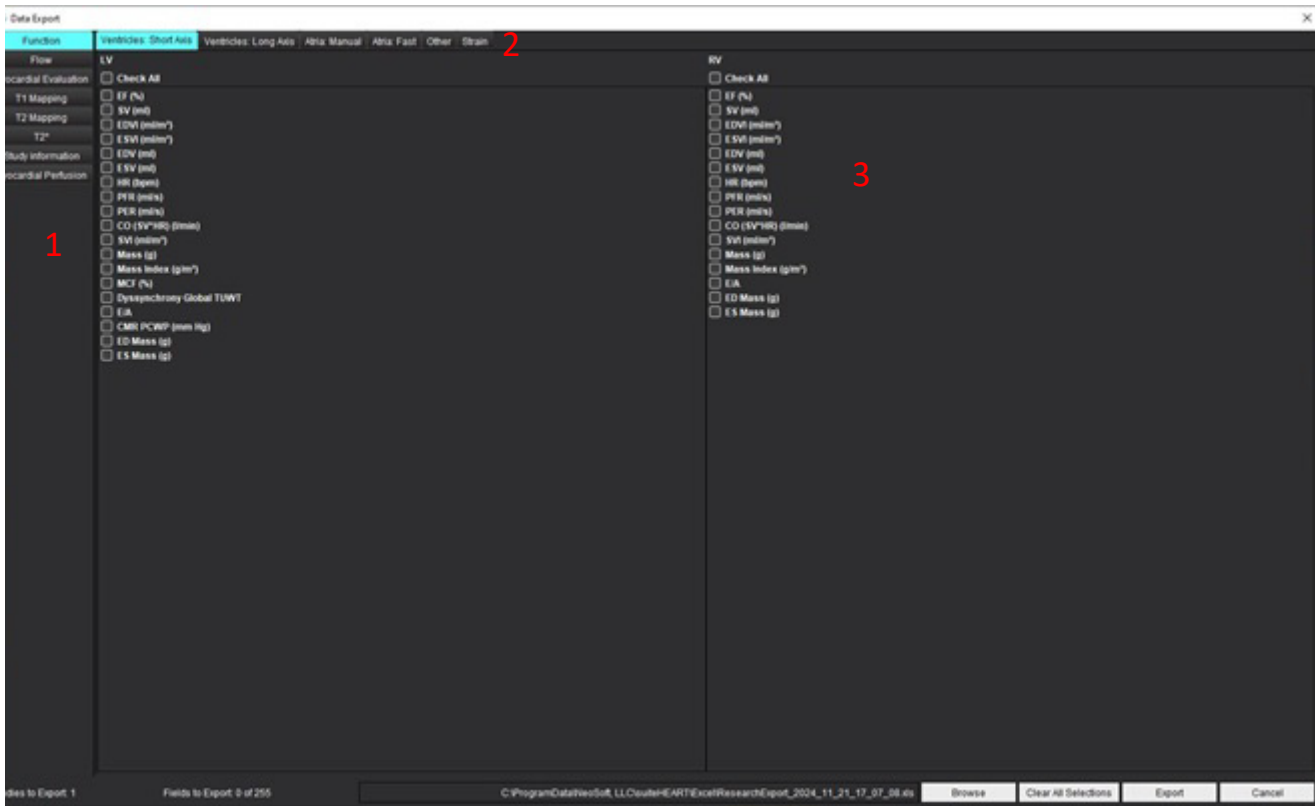
1. Chọn một nghiên cứu hoặc một nhóm nghiên cứu từ ổ nghiên cứu DXT.
2. Chọn Xuất dữ liệu

HÌNH 1. Xuất dữ liệu từ giao diện suiteDXT



3. Từ giao diện Xuất dữ liệu, chọn giá trị kết quả mong muốn cho loại phân tích phù hợp. Các lựa chọn đã thực hiện sẽ được giữ lại cho phiên xuất tiếp theo.

HÌNH 2. Xuất dữ liệu



1. Chế độ phân tích, 2. Loại phân tích, 3. Lựa chọn giá trị kết quả

LƯU Ý: Chỉ 255 trường được hỗ trợ xuất.

4. Chọn **Duyệt** sau đó chọn đích và tên tệp.
5. Chọn **Xóa tất cả lựa chọn** để đặt lại các lựa chọn kết quả.
6. Chọn **Xuất** để tạo một trang tính Excel.
7. Chọn **Hủy** để đóng giao diện.

Dịch vụ và hỗ trợ

Lỗi mạng DICOM

Nếu không thể truy xuất để truyền nghiên cứu, xác nhận rằng tường lửa không chặn hoạt động truyền. Nếu tường lửa không phải là nguyên nhân dẫn đến sự cố, hãy kiểm tra để đảm bảo suiteDXT có thể phản hồi DICOM máy chủ từ xa và máy chủ từ xa có thể phản hồi DICOM suiteDXT.

1. Từ Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong mục tab Cấu hình DICOM, chọn máy chủ từ xa mà đã thực hiện truy xuất và chọn Chỉnh sửa.
3. Đánh dấu vào các hộp kiểm để: Bật, Lưu vào thiết bị và Truy vấn thiết bị.
4. Xác minh rằng địa chỉ IP, Cổng và tiêu đề AE cho Đích DICOM là chính xác.

HÌNH 1. Cửa sổ cấu hình DICOM

The screenshot shows the 'DICOM Device Configuration' dialog box. It includes the following fields and options:

- Description: PACS
- AE Title: PACS
- Address: 172.16.0.999
- Port: 4006
- Max Priors: 1
- Prior Study Description: CARDIAC^HEART
- Enabled:
- Store to device:
- Query device:
- Preprocessing:
- Enable SSL:
- Auto Retrieve Prior Studies:

Buttons at the bottom: DICOM Echo (highlighted with a red border), Update, and Cancel.

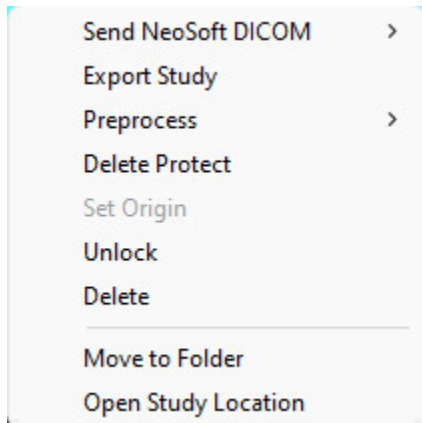
5. Nhấp vào Phản hồi DICOM.
 6. Chọn cài đặt mạng và xác nhận rằng cổng được chọn mở và có thể truy cập trên máy chủ suiteDXT.
 7. Truy xuất lại nghiên cứu.
- Nếu sau khi thực hiện các bước trên, bạn vẫn không thể thực hiện truy xuất, hãy liên lạc với quản trị viên mạng.

Lỗi khởi chạy nghiên cứu

Nếu thông báo "Các nghiên cứu sau đây bị khóa và sẽ không tải được trong quá trình khởi chạy" xuất hiện khi cố gắng khởi chạy nghiên cứu, hãy thực hiện các bước sau:

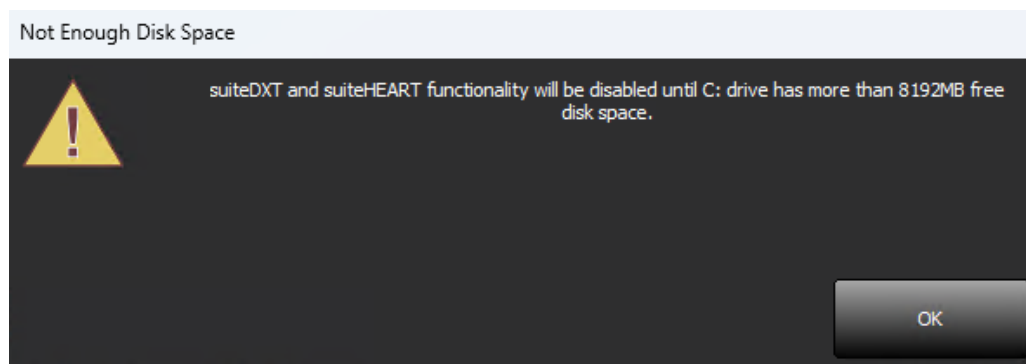
1. Điều hướng đến danh mục nghiên cứu của suiteDXT.
2. Nhấp chuột phải vào nghiên cứu đã tạo ra thông báo lỗi.
3. Chọn "Mở khóa"

HÌNH 2. Mở khóa nghiên cứu



Hành vi đối với dung lượng đĩa thấp

Thông báo bên dưới sẽ xuất hiện khi dung lượng đĩa thấp. Chức năng phần mềm sẽ bị vô hiệu hóa khi đạt đến ngưỡng dung lượng đĩa. Ngưỡng dung lượng đĩa cho ổ đĩa chứa các nghiên cứu là 8GB, ổ đĩa chứa thư mục Dữ liệu chương trình là 250MB.

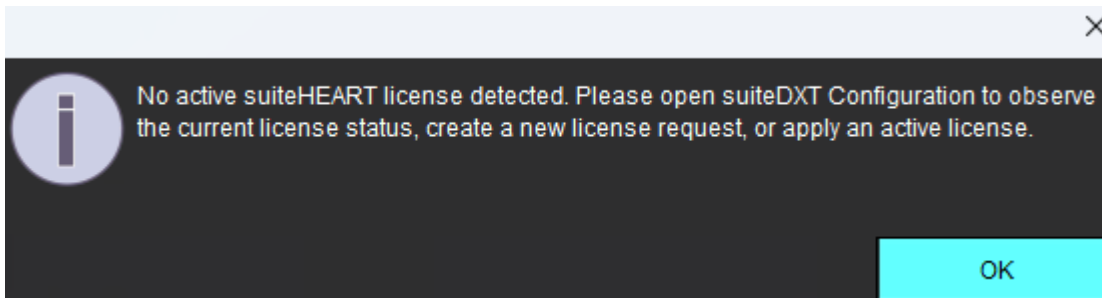


Để khôi phục chức năng phần mềm cho suiteDXT và suiteHEART, vấn đề dung lượng đĩa thấp sẽ cần phải giải quyết. Nếu bất kỳ nghiên cứu nào trong danh sách nghiên cứu suiteDXT không còn được sử dụng nữa, hãy gửi nghiên cứu trở lại hệ thống PACS để lưu trữ vĩnh viễn, xác nhận việc lưu trữ nghiên cứu và các ảnh chụp thứ cấp của NeoSoft trên hệ thống PACS, sau đó xóa nghiên cứu. Nếu vẫn cần thêm dung lượng đĩa, hãy liên hệ với quản trị viên CNTT tại khu vực của bạn để được hỗ trợ thêm.

Nếu vấn đề dung lượng đĩa thấp vẫn xảy ra dai dẳng, bạn có thể cấu hình tính năng tự động xóa. Liên hệ với NeoSoft, LLC qua email service@neosoftmedical.com.

Lỗi cấp phép

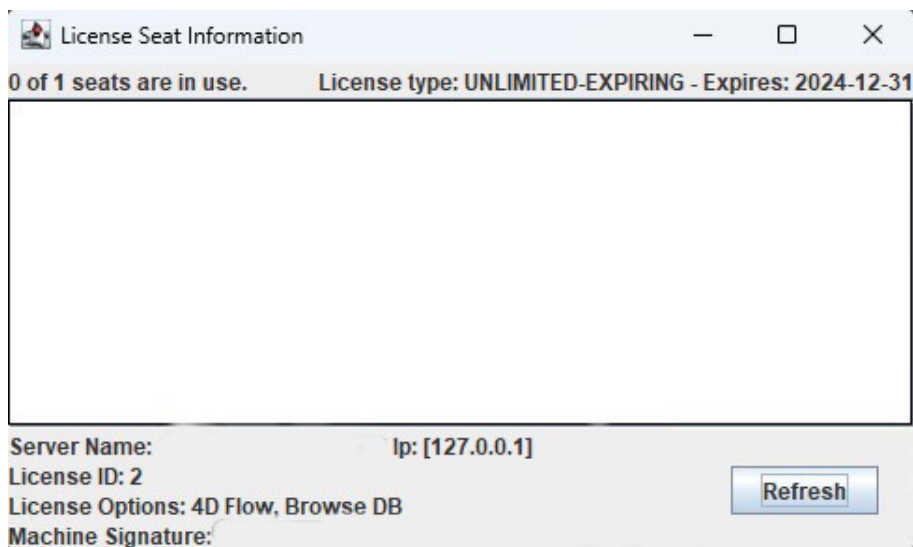
Nếu lỗi giấy phép tồn tại khi khởi chạy nghiên cứu trong suiteHEART, thông báo bên dưới sẽ xuất hiện.



Để xem lại trạng thái giấy phép hiện tại, hãy nhấp vào Cấu hình trên màn hình chính của suiteDXT và nhấp vào Trạng thái giấy phép ở phía dưới.



Cửa sổ thông tin Chỉ định theo giấy phép sẽ được hiển thị.



Để được hỗ trợ về giấy phép, hãy liên hệ với NeoSoft, LLC bằng cách gửi email đến service@neosoftmedical.com.

LƯU Ý: Đính kèm ảnh chụp màn hình cửa sổ thông tin Chỉ định theo giấy phép cùng với email.

Liên hệ

Nếu bạn gặp sự cố trong quá trình cài đặt hoặc sử dụng suiteDXT, hãy liên lạc với bộ phận dịch vụ của NeoSoft, LLC tại địa chỉ service@neosoftmedical.com.